TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 345/2018/LĐ-PT Ngày: 02/4/2018 V/v Tranh chấp Tiền lương, bảo hiểm xã hội.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Út
Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Châu Hiệp Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 04/2018/TLPT-LĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, về việc tranh chấp "Tiền lương, bảo hiểm xã hội".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 80/2017/LĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1211/2018/QĐ – PT ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **H**, sinh năm 1950 (có mặt).
  Địa chỉ: đường B, Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **Công ty T**
  Địa chỉ: đường D, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.
  Người đại diện theo pháp luật: Ông **V** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.
  Địa chỉ thường trú: phường M, quận Đ, Thành phố Hà Nội.
  Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đ** – Phó trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính (có mặt).
  (theo Giấy ủy quyền số 288/GUQ-TCT5 ngày 16/3/2018)

- *Người kháng cáo:* ông **H** – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **H** trình bày:*

Ông **H** được Công ty T (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty) thuê làm Phó Giám đốc Văn phòng đại diện của Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01/01/2004 theo Quyết định số 4191/TCCB-LĐ ngày 06/12/2003. Mức lương dành cho chuyên viên chính: bậc 7, hệ số 5.03 (hành chính sự nghiệp) và phụ cấp chức vụ là: 0.3 theo Giấy trả lương của đơn vị cũ (Văn bản số 1093/TCCB-LĐ ngày 29/3/2004). Còn lương thực lãnh hàng tháng phụ thuộc vào mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định. Ông H xác định mình làm việc theo loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, vì đã được tuyển dụng trong biên chế Nhà nước trước khi có Bộ luật Lao động.

Tháng 5/2005, Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh bị giải thể, ông H được giao làm nhiệm vụ giải quyết tồn đọng và được nghỉ công tác để làm thủ tục hưu trí (theo Văn bản số 2441/TB- TCCB ngày 07/11/2006). Tuy nhiên, đến nay không thực hiện được thủ tục nghỉ hưu vì lý do Tổng Công ty không đóng bảo hiểm xã hiểm cho ông H kể từ ngày 01/01/2004, chưa trả lương kể từ ngày 01/5/2005, cũng như còn thiếu tiền lương chênh lệch giữa lương cũ và lương mới (Theo Nghị định số 205/NĐ-CP của Chính phủ), kể từ ngày 01/10/2004 đến ngày 31/5/2005. Mặc dù ông H đã nhiều lần làm việc với Tổng Công ty, đồng thời báo cáo và được Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo tại các Văn bản số 7350/BGTVT – TCCB ngày 23/7/2013 và Văn bản số 12375/BGTVT – QLDN ngày 02/10/2014, nhưng Tổng Công ty vẫn không giải quyết các chế độ luật định cho ông.

Nay nguyên đơn ông **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty T phải thanh toán cho ông các khoản: nợ bảo hiểm xã hội, nợ lương là 879.286.003 đồng, nợ lương và bảo hiểm xã hội do chậm trả là 236.902.683 đồng. Tổng cộng là 1.116.188.686 (một tỷ, một trăm mười sáu triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi sáu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T do bà Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo sổ Bảo hiểm xã hội của ông H cung cấp (sổ được cấp lại lần 2), khoảng thời gian từ tháng 12/1997 đến tháng 3/1998 ông H là Chuyên viên tổng hợp – Văn phòng Sở Giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh nhưng được hưởng lương ngạch chuyên viên chính bậc 5, hệ số 4.38 theo Bảng lương của Doanh nghiệp (Nghị định số 26/NĐ-CP của Chính phủ) mà không xếp loại

lương theo ngạch hành chính sự nghiệp (Theo Nghị định số 25/NĐ-CP của Chính phủ) là bất hợp lý.

Việc ông H tự ý làm thủ tục về hưu tại cơ quan bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh khi chưa giải quyết xong thủ tục với Tổng Công ty là trái quy định pháp luật (*Theo* quyết định số 7289/QĐ/BHXH-CĐCS của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh có ghi là: căn cứ Quyết định nghỉ việc số 00 ngày 15/12/2006). Đây là một quyết định không có thật, cho thấy ông H không tôn trọng pháp luật, không hợp tác với Tổng Công ty để giải quyết chế độ hưu trí cho ông.

Công ty T1 đã được chuyển đổi mô hình sang hoạt động theo công ty cổ phần từ tháng 6/2014 và từ tháng 01/2016 là công ty cổ phần có vốn Nhà nước không chi phối. Việc ông **H** khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty thanh toán 1.116.188.686 đồng nợ lương và bảo hiểm xã hội là không rõ ràng về căn cứ và thời gian yêu cầu. Căn cứ Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012, Tổng Công ty cho rằng các yêu cầu của ông H đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét không thụ lý giải quyết vụ án.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng yêu cầu Tòa án nhân dân quận T xem xét chuyển vụ án về Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản án lao động sơ thẩm 80/2017/LĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ điểm b và điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm đ khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 146; khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 140 Bộ luật lao động 1994 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **H** về việc yêu cầu Công ty T thanh toán nợ tiền nợ lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác, gồm: nợ lương từ 01/5/2005 đến 31/5/2015, thiếu lương do chênh lệnh lương cũ và lương mới từ ngày 01/10/2004 đến 01/5/2015, nợ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác từ

01/01/2004 đến 31/5/2015 số tiền là 804.260.570đ (Tám trăm lẻ bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn năm trăm bảy mươi đồng); tiền lương và bảo hiểm xã hội, các chế độ khác chậm trả là 311.928.116đ (Ba trăm mười một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn một trăm mười sáu đồng). Tổng số tiền là 1.116.188.686đ (Một tỷ một trăm mười sáu triệu một trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/12/2017, ông **H** có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

*Ông **H** là nguyên đơn trình bày:*

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn. Từ năm 2004, ông đã có khiếu nại liên tục về việc trả tiền lương và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội của Công ty T. Tổng Công ty cũng có nhiều văn bản trả lời nhưng ông cho rằng những trả lời này là chưa thỏa đáng. Cuối cùng vào ngày 02/10/2014, Bộ Giao thông vận tải vẫn có chỉ đạo yêu cầu Tổng Công ty phải giải quyết các vấn đề khiếu nại của ông. Tuy nhiên phía Tổng Công ty không trả lời và không giải quyết các vấn đề của ông. Như vậy, tính từ năm 2014 cho đến thời điểm khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện của ông vẫn còn.

Bà Đ là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty T trình bày:

Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tổng Công ty đã nhiều lần trả lời cho ông H về các vấn đề trả lương, bảo hiểm xã hội và có văn bản trả lời cuối cùng vào ngày 12/11/2012. Ông H vẫn tiếp tục gửi đơn cho Bộ Giao thông vận tải nhưng thấy rằng nội dung đơn của ông H trùng với nội dung các kiến nghị trước đây nên Tổng Công ty không trả lời nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Kể từ thời điểm năm 2006 và từ ngày Tổng Công ty có Công văn trả lời số 1003/TCT5-TCCB ngày 12/11/2012, ông H đã biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm, không được Tổng Công ty chấp nhận giải quyết nhưng ông không khởi kiện. Đến ngày 01/6/2015, ông H mới nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông **H** yêu cầu Công ty T (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty) phải thanh toán cho ông tiền lương từ ngày 01/5/2005 đến ngày 31/5/2015, tiền lương do chênh lệch lương cũ và lương mới từ ngày 01/10/2004 đến 01/5/2015, nợ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác từ 01/4/2004 đến 31/5/2015 với tổng số tiền là 1.116.188.686 đồng; Đồng thời phải tính tiền lãi do chậm trả là 311.928.116 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H do hết thời hiệu. Nay, ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm sẽ xem xét tính hợp pháp của các căn cứ mà cấp sơ thẩm áp dụng để quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Xét thấy, ngày 20/8/2002 Tổng Công ty tiếp nhận và bổ nhiệm ông H đến nhận công tác và giữ chức vụ Phó giám đốc Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 01/9/2002. Ngày 10/10/2002 Tổng Công ty điều động và bổ nhiệm ông H đến nhận công tác và giữ chức vụ Giám đốc Công ty T2. Ngày 06/12/2003, Tổng Công ty điều động và bố trí ông H đến nhận công Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/4/2005, Hội đồng quản trị của Tổng Công ty quyết định giải thể Văn phòng đại diện và điều động ông H đến nhận công tác tại Công ty T3.

Vào ngày 27/5/2005 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 2568/QĐ-BGTVT chuyển xếp lương cũ sang lương mới cho ông H – Chuyên viên chính Công ty T kể từ ngày 01/10/2004 như sau: bậc 7/9 hệ số lương cũ 5,03 được chuyển xếp vào bậc 6/6, hệ số lương mới 5,65. Vì cho rằng việc chuyển xếp lương như trên là không đúng nên ngày 27/6/2005 ông H đã làm đơn đề nghị xem xét gửi đến Tổng Công ty và sau đó gửi đến Bộ Giao thông vận tải. Như vậy tại thời điểm năm 2005, ông H đã xác định quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm. Ngày 01/10/2005 ông H đề nghị với Tổng công ty việc xin nghỉ hưu theo chế độ. Ngày 18/4/2006, ông H có đơn xin nghỉ hưu gửi

Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng. Ngày 15/12/2006, Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 7289/QĐ/BHXH-CĐCS cho ông H hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/12/2006.

Sau đó, vào ngày 16/4/2008 giữa ông H và Tổng Công ty đã có biên bản làm việc, theo đó ông H xác định ý kiến "Thời gian trích nộp BHXH của ông H tại Cơ quan Tổng Công ty đề nghị để ông H tự giải quyết và chịu trách nhiệm. Ông H tự giải quyết các thủ tục liên quan đến chế độ hưu trí của ông H (Tổng Công ty không phải giải quyết)". Tiếp theo, vào các ngày 21/9/2011, 19/6/2012 và cuối cùng là vào ngày 12/11/2012 tại Văn bản số 1003/TCTS-TCCB, Tổng công ty đều trả lời cho các đơn kiến nghị của ông H về việc giải quyết tiền lương cũng như chế độ bảo hiểm xã hội, hưu trí.

Đối với văn bản ngày 02/10/2014 mà ông H cho rằng Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Tổng Công ty phải giải quyết các vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội cho ông nhưng Tổng Công ty không thực hiện; Hội đồng xét xử xét thấy đây chỉ là công văn chuyển đơn của ông H từ Bộ Giao thông vận tải đến Tổng công ty, những vấn đề ông H kiến nghị đã được Tổng Công ty giải quyết và có trả lời cuối cùng vào năm 2012. Tuy nhiên đến ngày 01/6/2015 ông H mới có đơn khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ theo khoản 2 Điều 202 của Bộ luật lao động năm 2012 thì "Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm". Như vậy thời hiệu khởi kiện của ông H đã hết. Hiện nay, phía Công ty T có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ theo khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cần phải đình chỉ giải quyết vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **H**, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông **H**.

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 80/2017/LĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đình chỉ giải quyết vụ án lao động, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **H** về việc yêu cầu Công ty T phải thanh toán tiền lương từ ngày 01/5/2005 đến ngày 31/5/2005, tiền lương do chênh lệch lương cũ và lương mới từ ngày 01/10/2004 đến 01/5/2015, nợ bảo hiểm xã hội và các chế độ khác từ 01/4/2004 đến 31/5/2015 với tổng số tiền là 1.116.188.686 đồng (một tỷ, một trăm mười sáu triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi sáu đồng); tiền lương, BHXH và các chế độ khác chậm trả là 311.928.116 đồng (ba trăm mười một triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, một trăm mười sáu đồng).

2. Về án phí: Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm và sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Dung